

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày: 29- 3-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Tấn Hải

2. Ông Lê Trọng Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà [Phan Thị Hương](#) - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông [Phạm Minh S](#), sinh năm: 1974;

Địa chỉ: [ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An](#) (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà [Đặng Thị Kim D](#), sinh năm: 1977;

Địa chỉ: [số F ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An](#) (vắng mặt).

- *Người có lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà [Nguyễn Thị M](#), sinh năm: 1955;

Địa chỉ: [Ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Long An](#) (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bà [Nguyễn Thị Lê H](#), sinh năm: 1980;

Địa chỉ: [số G, Ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An](#) (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông [Phạm Minh S](#) trình bày: Ngày 25/02/2023, ông và bà [H](#) có cho bà [D](#) vay số tiền 200.000.000 đồng, có lập giấy viết tay thể hiện nội dung vay tiền do ông và bà [D](#) ký tên, thời hạn vay từ 02 ngày đến 01 tuần sẽ trả, không thỏa thuận lãi suất, ông đã giao đầy đủ tiền vay cho bà [D](#) và bà [D](#) có giao cho ông 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số BX 645510 do bà [Nguyễn Thị M](#) đứng tên để ông giữ làm tin. Hết thời hạn 01 tuần, bà [D](#) không trả tiền vay như đã hẹn, ông liên hệ nhắc nhở nhiều lần bà [D](#) vẫn không thanh toán tiền vay cho ông. Ngày 17/5/2023, ông có gửi thông báo nhắc nợ yêu cầu bà [D](#) trong thời hạn 15 ngày phải trả tiền cho ông nhưng bà [D](#) không thanh toán và đã bỏ đi khỏi địa phương. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà [D](#) trả cho ông và bà [H](#) số tiền vay là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà [Đặng Thị Kim D](#) dù đã được Tòa án tổng đạt các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo phiên tòa sơ thẩm hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị M](#) trình bày: bà không có liên quan gì trong việc vay tiền giữa bà [D](#) và ông [S](#), bà cũng không đòi ông [S](#) trả lại cho bà bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 645510, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 07001 do [Ủy ban nhân dân huyện B](#) cấp cho bà vào ngày 03/3/2015.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị Lê H](#) trình bày: bà là vợ hợp pháp của ông [S](#), số tiền 200.000.000 đồng mà ông [S](#) cho bà [D](#) vay là tiền chung của vợ chồng, khi ông [S](#) cho bà [D](#) vay tiền đã hỏi ý kiến và được sự đồng ý của bà. Nay bà thống nhất với yêu cầu của ông [S](#), yêu cầu bà [D](#) trả cho bà và ông [S](#) số tiền vay là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà [Đặng Thị Kim D](#) trả cho ông [Phạm Minh S](#), bà [Nguyễn Thị Lê H](#) số tiền 200.000.000 đồng. Về án phí: bị đơn chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp phát sinh giữa ông [Phạm Minh S](#) với bà [Đặng Thị Kim D](#) là tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà [Đặng Thị Kim D](#) có địa chỉ cư trú tại [Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An](#) nên khi ông [S](#) có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bị đơn bà [Đặng Thi Kim D](#) đã được Tòa án thông báo công khai các văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng cụ thể: Trên Đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 04, 05 và 06/01/2024, [B](#) vào các ngày 29, 30 và 31 tháng 12 năm 2023 và trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhưng bà [D](#) vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 180, Điều 207, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Về chứng cứ, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn bà [Đặng Thi Kim D](#) đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 25/02/2023, có đủ căn cứ để chứng minh ông [S](#) có cho bà [D](#) vay số tiền 200.000.000 đồng, không thỏa thuận thỏa thuận lãi suất và thời gian thanh toán nên xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi suất. Ngày 17/5/2023, ông [S](#) đã gửi cho bà [D](#) Thông báo nhắc nợ ngày 17/5/2023 với nội dung ấn định cho bà [D](#) trong thời 15 ngày tính từ ngày 17/5/2023 đến ngày 01/6/2023 phải thanh toán tiền vay và lãi suất cho ông [S](#) nhưng bà [D](#) không thực hiện. Tại phiên tòa ông [S](#) và bà [H](#) trình bày khoản tiền vay này là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu bà [D](#) trả khoản tiền vay 200.000.000 đồng cho vợ chồng ông [S](#) và bà [H](#) là phù hợp căn cứ theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân gia đình, Điều 479 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi: ông [S](#), bà [H](#) tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên không xét.

[3.3] Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 645510, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 07001 do [Ủy ban nhân dân huyện B](#) cấp cho bà vào ngày 03/3/2015 cho bà [Nguyễn Thị M](#): Bà [M](#) không có yêu cầu ông [S](#) trả lại nên không xét.

[4] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông [Phạm Minh S](#) và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[5] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: ông [Phạm Minh S](#) phải chịu số tiền 3.100.000 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, ông [S](#) đã nộp xong.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bà [D](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông [S](#). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông [S](#).

[7] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26; Điều 35, Điều 92; Điều 147; Điều 180, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Phạm Minh S](#) về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà [Đặng Thị Kim D](#).

Buộc bà [Đặng Thị Kim D](#) trả cho ông [Phạm Minh S](#) và bà [Nguyễn Thị Lê H](#) số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà [Đặng Thị Kim D](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng. Hoàn trả cho ông [Phạm Minh S](#) 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0006148 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- Chi cục THADS huyện Cần Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Phương Trúc**

